

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH TRỊ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 07-10-2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Tấn Nga.

- Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp M, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Tô Thái P, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim H và ông Tô Thái P cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/2016. Sau khi cưới được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống, do ông P không chung thủy dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Bà H và ông P đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tô Thái P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và ông P có một người con chung tên Tô Nguyễn N, sinh ngày 06/10/2017 hiện con đang sống chung với bà H, bà H yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2019 của ông Tô Thái P khai:

Về quan hệ hôn nhân thống nhất như bà H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do bà H cho rằng ông không chung thủy, hai bên gia đình cha mẹ có tổ chức hàn gắn nhưng bà H vẫn không đồng ý, ông P không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung, có một người con chung tên Tô Nguyễn N, sinh ngày 06/10/2017 hiện con đang sống chung với bà H, ông P đồng ý giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho bà H và ông P ly hôn, giao con cho bà H nuôi dưỡng và ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn ông Tô Thái P, đây là phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H (có đơn xin xét xử vắng mặt), còn bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Kim H và bị đơn ông Tô Thái P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim H và ông Tô Thái P tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 31/10/2016 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Bà H yêu cầu được ly hôn, ông P yêu cầu được hàn gắn, Hội đồng xét xử thấy rằng qua kết quả xác minh, thu thập tài liệu và qua lời khai của các đương sự cho thấy trong quá trình chung sống bà H và ông P thực tế có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau, cha mẹ hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải cho bà H và ông P nhưng không hàn gắn được. Từ sự việc trên cho thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà H đã không thể dung hòa, vợ chồng đã không cùng quan điểm, không có niềm tin lẫn nhau nên nên chung sống là không thể mang lại hạnh phúc cho cả hai, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà H được ly hôn là có cơ sở, là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu nuôi con chung: Bà H và ông P có một người con chung tên Tô Nguyễn N, sinh ngày 06/10/2017, hiện con đang sống chung với bà H, bà H yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tô Nguyễn N còn nhỏ, hiện cháu sống với bà H nên cần giao cháu cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nợ chung, tài sản sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Kim H là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Kim H và ông Tô Thái P được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Tô Nguyễn N, sinh ngày 06/10/2017 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Tô Thái P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008169 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng

